

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2019/DS-ST.
Ngày: 14/11/2019.
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Văn Sang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Điệp**;

2. Bà **Lương Thị Kim Vân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện viện kiểm sát huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Bích Phượng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về "*tranh chấp chia thừa kế tài sản*", theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 153/2019/QĐHPT-DS, ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Tổ 2, ấp B D, xã N M, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Ấp A N, xã A B, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ 2, ấp B D, xã N M, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Hà Thị Cẩm Loan**, sinh năm 1965;

** Bà Loan ủy quyền cho ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Ấp B D, xã N M, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 16/4/2019.*

- | | |
|----------------------------------|----------------|
| 2. Anh Nguyễn Văn D, | sinh năm 1980; |
| 3. Chị Nguyễn Thị D, | sinh năm 1984; |
| 4. Anh Nguyễn Phi H, | sinh năm 1985; |
| 5. Anh Nguyễn Văn T, | sinh năm 1987; |
| 6. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, | sinh năm 1990; |
| 7. Chị Nguyễn Thị H, | sinh năm 1992. |

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp B D, xã N M, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông V, bà Loan, anh D, chị D, anh T, chị L, chị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI D V U Á N:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị N cùng trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 1.683m² thuộc thửa 921 tờ bản đồ 04 theo bản đồ 299 (diện tích thực tế theo đo đạc là 2.157,7m² thuộc thửa 183 tờ bản đồ số 12 bản đồ chính quy) là của ông H và bà C nhận chuyển nhượng 01 phần có diện tích khoảng 1.500m² và thửa hưởng 01 phần do bà ngoại để lại (Nguyễn Thị Nguu) có diện tích khoảng 750m², cùng tọa lạc tổ 2, ấp B D, xã N M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ông H, bà C cùng các con sinh sống tại phần đất này cho đến năm 1990 thì ông H chết; sau đó bà C được Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 21/8/1993.

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1915 và bà Trần Thị C, sinh năm 1925 có 05 người con, 04 trai và 01 gái. Trong đó, 01 người con trai hy sinh và 01 người con trai chết vì chiến tranh (không có vợ con), hiện còn 02 người con trai và 01 người con gái là ông H, ông V và bà N.

Ngày 10/5/2004, bà C họp họ tộc cùng gia đình thống nhất chia cho ông H hưởng phần đất thổ và vườn ngang 08m x dài 95m = 760m²; phần còn lại 1.488m² thì chia cho ông V (có giấy tờ họp gia tộc). Sau đó, gia đình họ tộc đã cùng đo đạc và cắm mốc định vị phần đất của ông H. Lúc này, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn do bà C đứng tên, nhưng ông V đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp vay vốn ở Ngân hàng nên không thể tách thửa chia đất cho ông H đứng tên.

Năm 2009 bà C chết, thì ông V trả tiền cho Ngân hàng, lấy GCN QSDĐ về và cất giữ không đồng ý cắt chia đất như tờ hợp tộc họ năm 2004.

Ông H và bà N xác nhận diện tích diện tích 1.683m² thuộc thửa 921 tờ bản đồ 04 theo bản đồ 299 (diện tích thực tế theo đo đạc là 2.157,7m² thuộc thửa 183 tờ bản đồ số 12 bản đồ chính quy) tọa lạc tại ấp B D, xã N M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp là di sản do bà C và ông H để lại.

Nay ông H và bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật như sau:

Ông H yêu cầu được nhận diện tích 647m² thuộc một phần thửa 183 tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp B D, xã N M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Vị trí đất cắt chia tùy tòa phán quyết nếu diện tích đất được chia có cây cối mà ông V trồng thì ông H đồng ý trả giá trị theo định giá, có nhà của chị L, anh D thì yêu cầu vợ chồng chị L anh D di dời nhà ông sẽ hỗ trợ tiền di dời là 5.000.000đồng như yêu cầu của chị L.

Bà N yêu cầu được chia 647m² thuộc một phần thửa 183 tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp B D, xã N M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Vị trí đất cắt chia tùy tòa phán quyết.

Ông H và bà N chỉ yêu cầu chia thừa kế là đất thuộc thửa 183 các di sản khác nếu có cũng không yêu cầu chia mà để cho ông V thừa hưởng và đồng ý để cho ông V hưởng kỷ phần N hơn kỷ phần của ông H, bà N là 215m² (2.157,7m² x 10%). Về định giá tài sản tranh chấp ông H, bà N thống nhất như biên bản ngày 26/3/2019. Về quản lý đất tranh chấp tính đến ngày xét xử sơ thẩm chỉ có ông V, bà Loan, chị D, chị L, chị H, anh T, anh Phi H, anh D không có người nào khác đồng thời chỉ tranh chấp yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật không tranh chấp quyền sử dụng đất hay đòi đất theo văn bản hợp tộc họ ngày 10/5/2004.

Ông Nguyễn Văn V trình bày trong biên bản hòa giải và công khai chứng cứ ngày 05/4/2019, ngày 24/4/2019:

Nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 1.683m² thuộc thửa 921 tờ bản đồ 04 theo bản đồ 299 (diện tích thực tế theo đo đạc là 2.157,7m² thuộc thửa 183 tờ bản đồ số 12 bản đồ chính quy) tọa lạc tại ấp B D, xã N M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp là của bà Nguyễn Thị Nguu cho bà Trần Thị C. Việc bà Nguu cho bà C diện tích vào thời gian nào và diện tích bao nhiêu thì ông V không rõ. Bà C được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1993.

Năm 2004 trong gia đình thống nhất cho ông H 01 nền nhà ngang 06m dài 20m, phần diện tích còn lại thì bà C cho ông V có lập văn bản và có ông Trần Văn Lèo chứng kiến. Trong quá trình sử dụng thì do có san lấp diện tích đất nên ông H có hứa sẽ trả cho ông V số tiền 1.000.000 đồng nhưng không rõ thời gian nào. Sau này,

ông có cho con là Nguyễn Thị Ngọc L và D cất nhà gỗ tạm như hiện nay nhưng không nhớ rõ thời gian nào.

Nay ông Nguyễn Văn V không đồng ý theo yêu cầu của ông H và bà N mà chỉ thống nhất chia cho ông H 01 nền nhà ngang 06m, dài 20m cấp đất bà Thủy. Nếu nhà của Ngọc L dính vào đất ông H được nhận thì ông đồng ý di dời. Ông V yêu cầu ông H phải trả giá trị tiền san lấp là 10.000.000 đồng.

Ông V xác định diện tích đất đang tranh chấp nêu trên là của bà Trần Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngoài ra không còn ai cùng có quyền sử dụng.

Bà Hà Thị Cẩm Loan trình bày trong biên bản hòa giải ngày 05/4/2019:
Thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Văn V. Trước đây gia đình bà có cam kết cho ông H 01 nền nhà nhưng ông H phải trả số tiền 1.000.000 đồng tiền san lấp. Nay bà Loan cũng thống nhất giao ông H 01 nền nhà ngang 06m, dài 20m cấp đất bà Thủy, yêu cầu ông H trả 10.000.000 đồng giá trị san lấp.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày trong biên bản hòa giải ngày 05/4/2019:
Chị L thống nhất lời trình bày của ông V và bà Loan. Việc chị L và anh D cất nhà trên đất nhưng không nhớ rõ thời gian nào là do ông V đồng ý cho cất. Nay nếu giao cho ông H nền nhà nằm trên phát chị cất nhà thì chị đồng ý di dời nhưng yêu cầu ông H phải hỗ trợ di dời là 5.000.000 đồng.

Các đương sự còn lại gồm anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Phi H, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H vắng mặt khi hòa giải công khai chứng cứ, xét xử nên không có ý kiến trình bày.

Tài liệu chứng cứ kèm theo:

1. Bản phô tô tờ gia tộc ngày 10/5/2004.
2. Bản phô tô đơn xin xác nhận chữ ký ngày 23/8/2008
3. Trích lục khai tử bà Trần Thị C số 541/TLKT-BS ngày 18/9/2018.
4. Đơn xin xác nhận mối quan hệ ngày 24/9/2018 ký tên Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị N.
5. Thông tin thửa đất số 786/VPĐKĐĐ ngày 24/9/2018;

Tài liệu do ông Nguyễn Văn V cung cấp:

1. Bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Trần Thị C thửa 941 và 921 tờ bản đồ số 04 do UBND huyện Cao Lãnh cấp ngày 21/8/1993;

Tài liệu do Tòa án thu thập:

1. Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/02/2019;

2. Sơ đồ trích đo khu đất tranh chấp ngày 22/02/2019;
3. Biên bản định giá ngày 26/3/2019;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Theo nội D đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật dân sự là “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*”. Quyền sử dụng đất đang tranh chấp tọa lạc tại xã N M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, điều 167, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai. Đối với ông V, bà Loan, anh D, chị D, anh Phi H, anh T, chị L, chị H vắng mặt tại phiên tòa, dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Về nội D

Nguồn gốc đất ông H, bà N yêu cầu chia thừa kế, thuộc thửa 183 tờ bản đồ số 12 diện tích thực tế 2.157,7m² tọa lạc tại xã N M, huyện Cao Lãnh là của vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị C thừa hưởng từ ông bà được UBND huyện Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Cẩm ngày 21/8/1993. Xét trình bày của ông H, bà N cũng như lời trình bày của ông V trong biên bản hòa giải ngày 05/4/2019 thể hiện thửa đất 183 tờ bản đồ số 12 là của bà C, ông H nhận chuyển nhượng một phần, một phần thừa hưởng của bà Nguu (bà Nguu là mẹ bà C) là tài sản chung của ông, bà. Năm 1990 ông H chết đến năm 2009 bà C chết cả hai chết không để lại di chúc định đoạt phần đất thửa 183 do đó, di sản là đất sẽ được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H, bà C gồm ông H, ông V, bà N như quy định tại điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự vì vậy yêu cầu của ông H, bà N là có căn cứ để xem xét. Tuy nhiên, theo trình bày của bà N, ông H tại phiên tòa thì ông H và bà C do ông V phụng dưỡng lúc tuổi già, hiện thờ cúng ông H, bà C. Toàn bộ diện tích đất nói trên sau khi bà C chết thì ông V là người quản lý, giữ gìn di sản cho đến khi phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa ông H, bà N thống nhất đề cho ông V hưởng di sản là đất N hơn 10% trên tổng diện tích thửa 183 nên Hội đồng xét xử xem xét chia kỹ phần các đồng thừa kế khác như sau: $2.157,7\text{m}^2 \times 10\% = 215\text{m}^2$; Tổng diện tích đất sau khi trừ sẽ được

chia cho bà N, ông H: $2157,7 - 215\text{m}^2 = 1.942,7\text{m}^2/3 = 647\text{m}^2$. Đối chiếu với yêu cầu của ông H, bà N thì yêu cầu chia thừa kế của ông bà được chấp nhận toàn bộ.

Xét số cây cối ông V trồng, kiến trúc là nhà của chị L, anh D cất có trên 647m^2 mà ông H được chia, tại phiên tòa ông H đồng ý trả giá trị cây trồng cho ông V và hỗ trợ tiền di dời cho chị L, anh D 5.000.000đồng theo yêu cầu của chị L thấy phù hợp nên chấp nhận ý kiến này của ông H. Và ông H có nghĩa vụ trả giá trị cây cối cho ông V, hỗ trợ tiền di dời cho anh D, chị L như sau:

- Trả giá trị cây cho ông V:

+ 15 cây xoài mới trồng x 55.000đồng/cây = 825.000đồng;

+ 04 bụi chuối x 60.000đồng/bụi = 240.000đồng;

+ 01 cây mít x 480.000đồng/cây = 480.000đồng.

+ Tổng cộng: 1.545.000đồng

- Hỗ trợ tiền di dời cho anh D, chị L 5.000.000đồng. Chị L, anh D có nghĩa vụ di dời căn nhà có kết cấu: khung gỗ tạp, vách ván, lợp tol sóng tròn, sàn gỗ tạp để giao đất cho ông H.

Xét yêu cầu trả tiền san lấp 10.000.000đồng, ông V, bà Loan không đưa ra căn cứ có san lấp, đồng thời cũng không làm đơn yêu cầu, nộp tạm ứng án phí theo quy định điều 146, 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nội D này, ông V, bà Loan có quyền khởi kiện ông H bằng vụ kiện khác.

Xét phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi xét xử, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xem xét chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là đúng với pháp luật nên chấp nhận toàn bộ lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

- Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản ông H, bà N phải nộp 2.498.000đồng đã nộp xong, ông V phải nộp 1.248.000đồng để trả lại cho ông H, bà N vì ông, bà đã tạm ứng trước.

Về án phí: ông H, ông V, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo theo Nghị Quyết về án phí, lệ phí số: 326/2010/PL-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Và số tiền án phí dân sự sơ thẩm từng người được tính như sau:

+ Ông H phải nộp án phí trên giá trị đất mà ông được chia $647\text{m}^2 \times 153.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 98.991.000\text{đồng}$ + giá trị cây cối 1.545.000đồng + tiền hỗ trợ 5.000.000đồng = 105.536.000đồng x 5% = 5.276.000đồng.

+ Ông V phải nộp án phí trên giá trị đất mà ông được hưởng $863,7\text{m}^2 \times 153.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 132.146.000\text{đồng}$ x 5% = 6.607.200đồng.

+ Bà N phải nộp án phí trên giá trị đất mà ông được hưởng $647\text{m}^2 \times 153.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 98.991.000\text{đồng} \times 5\% = 4.949.500\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng khoản 3, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, 146, 189, 227, 228, Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 167, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Điều 500, 501, 502, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự; Điều 26 luật thi hành án dân sự; Nghị Quyết về án phí, lệ phí số: 326/2010/PL-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử

- Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N.

- Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N mỗi người được hưởng 647m^2 đất di sản thừa kế của bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn H thuộc một phần thừa 183, tờ bản đồ số 12 đất tọa lạc tại xã N M, huyện Cao Lãnh, loại đất ở nông thôn cùng toàn bộ cây cối có trên đất. Đất nằm trong phạm vi:

+ Đất của ông Nguyễn Văn H nằm trong phạm vi các mốc từ mốc 7, 7A, 11, 5, 6 về mốc 7 (trong đó mốc M7A nằm trên đường thẳng nối mốc M7 với mốc M1, mốc M7A cách mốc M7 là 08m, cách mốc 1 là 17,55m, cách mốc 11 là 97,29m; Mốc 11 cách mốc 5 là 6,97m; Mốc 11 cách mốc 5 là 6,97m, cách gốc mộ (mộ nằm trên đất tranh chấp) 14,73m, cách gốc mộ nằm ngoài đất tranh chấp trên đất bà Tuyết 9,44m)

+ Đất của bà Nguyễn Thị N nằm trong phạm vi các mốc 7A, 7B, 8, 9, 10, 11 về mốc 7A (trong đó mốc 7B nằm trên đường thẳng nối mốc 7 với mốc 1, mốc 7B cách mốc 7 là 09m, cách mốc 1 là 16,55m, cách mốc 8 là 24,1m; Mốc 8 cách mốc 9 là 09m; Mốc 9 cách mốc 10 là 64,16m; Mốc 10 nằm trên đường thẳng nối mốc 4, 5, mốc 10 cách mốc 3 là 16,57m, cách mốc 4 là 7m, cách gốc mộ nằm trên đất tranh chấp 20,39m, mốc 8 cách mốc 3 là 24,35m, mốc 9 cách mốc 3 là 19,32m)

- Buộc ông Nguyễn Văn V, bà Hà Thị Cẩm Loan, anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Phi H, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc L, chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ giao diện tích đất trên cùng toàn bộ cây cối có trên đất cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N sử dụng.

- Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ di dời căn nhà có kết cấu: Khung cây tạp, vách ván, lợp tol sóng tròn, sàn gỗ diện tích $18,1\text{m}^2$.

- Ông Nguyễn Văn H có nghĩa trả tiền giá trị cây cho ông Nguyễn Văn V 1.545.000đồng (một triệu năm trăm, bốn mươi lăm nghìn) và hỗ trợ di dời cho anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị Ngọc L 5.000.000đồng (năm triệu).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ông Nguyễn Văn V được thừa hưởng 863,7m² thuộc một phần thửa 183 tờ bản đồ số 12 loại đất ở nông thôn, đất tại xã N M, huyện Cao Lãnh cùng toàn bộ tài sản có trên đất. Đất nằm trong phạm vi các mốc 7B, 1, 2, 3, 4, 10, 9, 8, về mốc 7B

(Kèm theo biên bản thẩm định ngày 22/02/2019 và sơ đồ đất tranh chấp ngày 22/02/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Cao Lãnh).

Đề nghị UBND huyện Cao Lãnh thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Trần Thị C thửa 921 tờ bản đồ 04 theo bản đồ 299 (thửa 183 tờ bản đồ số 12 bản đồ chính quy) để cấp lại cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn V theo quy định.

* Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị N được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người có quyền sử dụng đất diện tích được chia theo quy định của pháp luật.

- Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản ông H, bà N phải nộp 2.498.000đồng đã nộp xong, ông V phải nộp 1.248.000đồng để trả lại cho ông H, bà N vì ông, bà đã tạm ứng trước.

*** Về án phí:**

- Ông Nguyễn Văn H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 5.276.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000đồng theo biên lai số 0006062 ngày 03/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Sau khi khấu trừ ông H phải nộp tiếp 3.776.000đồng;

- Bà Nguyễn Thị N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 4.949.500đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.150.000đồng theo biên lai số 0006063 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Sau khi khấu trừ bà N phải nộp tiếp 3.799.500đồng.

- Ông Nguyễn Văn V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.607.200đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng ông V, bà Loan, anh D, chị D, anh Phi H, anh T, chị Ngọc L, chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Văn Sang